

BÁO CÁO THAM LUẬN
Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Bộ Nội vụ thông qua
hoạt động giám sát và đề xuất giải pháp triển khai hiệu quả
Chương trình giám sát của Quốc hội năm 2024

Với tinh thần đổi mới, hoạt động giám sát của Quốc hội trong thời gian qua đã bảo đảm Hiến pháp và pháp luật được thực thi nghiêm minh; bộ máy nhà nước hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả; phát huy tối đa quyền làm chủ của Nhân dân trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Thông qua hoạt động giám sát chuyên đề chuyên sâu, các nội dung giám sát của Quốc hội được xác định rõ, bảo đảm tính xác thực trong báo cáo của cơ quan, đơn vị được giám sát, đồng thời kiểm chứng bằng các hoạt động giám sát trực tiếp tại cơ quan, địa phương, cơ sở, phát huy tối đa kết quả sau giám sát và có các yêu cầu cụ thể để đối tượng giám sát khắc phục, giải trình và thực hiện theo kết luận giám sát.

Kết quả hoạt động giám sát chuyên đề của Quốc hội là minh chứng cho những đổi mới, cải tiến trong hoạt động giám sát của Quốc hội, góp phần chuyển biến trong nhận thức, hành động của các tổ chức, cá nhân, đồng thời chuyển biến trong thực thi nhiệm vụ của toàn hệ thống bộ máy nhà nước, đáp ứng được yêu cầu, nguyện vọng của đại đa số cử tri, Nhân dân cả nước và mong muốn của các vị đại biểu Quốc hội.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 04 ĐOÀN GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ CỦA QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Theo Nghị quyết số 23/2022/UBTVQH ngày 04/8/2022 về Chương trình giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội năm 2023, thực hiện 04 đoàn giám sát chuyên đề¹, Bộ Nội vụ báo cáo một số kết quả thực hiện liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, cụ thể như sau:

1. Về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và thực hành tiết kiệm chống lãng phí

a) Về sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước ở Trung ương và địa phương

Trên cơ sở Nghị định của 26 bộ, ngành và dự thảo Nghị định của Thanh tra Chính phủ, Chính phủ đã giao Bộ Nội vụ báo cáo tổng hợp kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính của các bộ, ngành so sánh với tổng số tổ chức hành chính thuộc

¹ (1) Chuyên đề: “Việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid - 19; việc thực hiện chính sách, pháp luật về y tế cơ sở, y tế dự phòng”; (2) Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; (3) Việc thực hiện chính sách pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016 - 2021; (4) Việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 201 - 2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

cơ cấu tổ chức của các bộ, ngành của Chính phủ khóa XIV; theo đó, đã giảm được 17 Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục; giảm 10 Cục; giảm 145 Vụ/Ban thuộc tổng cục và thuộc bộ; giảm cơ bản phòng trong vụ.

Đối với sắp xếp, kiện toàn cơ quan chuyên môn ở địa phương giảm được 07 sở, 2.159 phòng thuộc sở và thuộc UBND cấp huyện.

b) Về tổ chức phối hợp liên ngành

Tổ chức và hoạt động của các tổ chức phối hợp liên ngành trong thời gian qua đã cho thấy hiệu quả bước đầu, tạo được cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các bộ, ngành và thiết lập được sự chỉ đạo tập trung, trực tiếp của Thủ tướng Chính phủ để giải quyết kịp thời, hiệu quả những nhiệm vụ vượt quá thẩm quyền của một bộ, ngành cần phải có sự phối hợp liên ngành. Đến nay đã có 138 tổ chức phối hợp liên ngành với nhiều tên gọi khác nhau được thành lập.

c) Về số lượng cấp phó của tổ chức hành chính

- Đối với bộ, ngành: Sau khi sắp xếp tổ chức của các bộ, ngành sẽ phải thực hiện giảm theo lộ trình đối với 61 lãnh đạo cấp tổng cục (14 tổng cục trưởng và 47 phó tổng cục trưởng), 17 lãnh đạo cấp cục thuộc bộ, 63 lãnh đạo cấp vụ thuộc bộ, 404 lãnh đạo cấp cục, vụ thuộc tổng cục. Đối với các tổ chức do sáp nhập, hợp nhất làm tăng số lượng cấp phó sẽ phải sắp xếp theo lộ trình quy định tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP².

- Đối với địa phương: Căn cứ quy định của Chính phủ về tiêu chí xác định số lượng cấp phó và kết quả sắp xếp tổ chức hành chính, các địa phương đã rà soát, cơ cấu lại nhân sự lãnh đạo quản lý các cấp thuộc phạm vi quản lý. Đối với các tổ chức do sáp nhập, hợp nhất làm tăng số lượng cấp phó sẽ phải sắp xếp theo lộ trình quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP.

d) Về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL)

- Về sắp xếp đầu mối ĐVSNCL của bộ, ngành, địa phương

Kết quả sắp xếp tính đến thời điểm 30/6/2022³: Đối với bộ, ngành còn 1.035 đơn vị, giảm 98 đơn vị, tương ứng giảm 8,6%; đối với địa phương còn 46.653 đơn vị, giảm 7.631 đơn vị, tương ứng giảm 14,05%.

- Về thực hiện tự chủ ĐVSNCL

Bộ, ngành, địa phương đã chủ động rà soát, phê duyệt Đề án tự chủ đối với các ĐVSNCL thuộc phạm vi quản lý để làm cơ sở thực hiện mục tiêu có 10% đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính theo yêu cầu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW.

đ) Về chuyển ĐVSNCL thành công ty cổ phần

² Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ.

³ Số liệu đã báo cáo tại Văn bản số 1403-BC/BCSDCP ngày 05/12/2022 của Ban Cán sự đảng Chính phủ;

Đến hết năm 2020, cả nước có 53 ĐVSNCL (chiếm 22,8% trong tổng số các ĐVSNCL đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chuyển thành công ty cổ phần) đã hoàn thành việc cổ phần hóa, tập trung chủ yếu là các ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh; phần lớn được thực hiện trong giai đoạn 2017-2019 (41 ĐVSNCL, 77,4%).

Năm 2020, do có sự thay đổi và hoàn thiện về các quy định pháp lý liên quan đến việc chuyển đổi các ĐVSNCL thành công ty cổ phần⁴ nên rất ít ĐVSNCL được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chuyển đổi thành công ty cổ phần (05 đơn vị sự nghiệp công lập⁵). Phần lớn các ĐVSNCL được cổ phần hóa trong giai đoạn 2015-2020 là các đơn vị có quy mô nhỏ, chỉ có 14/53 ĐVSNCL có giá trị vốn và tài sản nhà nước được xác định trước khi cổ phần hóa lớn hơn 10 tỷ đồng.

e) Về quản lý biên chế, tinh giản biên chế

- Giai đoạn 2015-2021

Biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước thuộc khối Chính phủ quản lý năm 2021 là 247.722 biên chế, giảm 27.530 biên chế, tương ứng giảm 10,01% so với năm 2015 (275.252 người), đạt mục tiêu theo Nghị quyết của Đảng.

Số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp) hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các ĐVSNCL năm 2021 là 1.789.585 người, giảm 236.366 người, tương ứng giảm 11,67%, vượt mục tiêu giảm tối thiểu 10% theo Nghị quyết của Đảng.

- Giai đoạn 2022-2026

Để bảo đảm thực hiện mục tiêu đến năm 2026 giảm 5% biên chế công chức và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021, Bộ Chính trị đã ban hành các Quyết định⁶ để giao biên chế giai đoạn 05 năm (2022-2026) cho các cơ quan của hệ thống chính trị.

Việc sắp xếp đơn vị hành chính, thu gọn tổ chức bộ máy, giảm biên chế cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách đã tiết kiệm chi ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2019 - 2021 khoảng 2.008,63 tỷ đồng, trong đó giảm chi hoạt động của chính quyền cấp huyện, cấp xã là 1.132,63 tỷ đồng (giảm chi tiền lương và phụ cấp là 787,84 tỷ đồng, giảm chi hoạt động là 344,79 tỷ đồng).

2. Về bổ sung biên chế giáo viên và vấn đề tiền lương, chế độ, chính sách cho đội ngũ giáo viên

Thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông trong đó có nội

⁴ Chính phủ ban hành Nghị định số 150/2020/NĐ-CP; Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang trong quá trình hoàn thiện Quyết định thay thế Quyết định số 31/2017/QĐ-TTg, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

⁵ Gồm: Trung tâm Quy hoạch - kiến trúc Hậu Giang, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Hậu Giang, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang, Giống gia súc Hải Dương, Trung tâm Nông nghiệp mùa Xuân Hậu Giang;

⁶ Quyết định số 71-QĐ/TW ngày 18/7/2022 về tổng biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026; Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2026; Quyết định số 73-QĐ/TW ngày 18/7/2022 về biên chế của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập; cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; các đơn vị sự nghiệp, hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương giai đoạn 2022-2026;

dung về giải quyết: “tình trạng bất cập về cơ cấu giáo viên (dẫn đến tình trạng thừa, thiếu cục bộ), thiếu giáo viên ở nhiều địa phương nhưng không tuyển được, đặc biệt là giáo viên dạy các môn học nghệ thuật ở bậc trung học phổ thông; một bộ phận giáo viên bỏ việc, chuyển khối ngành. Nguyên nhân chủ yếu là do việc xác định định mức giáo viên chưa phù hợp; chế độ tiền lương, phụ cấp với giáo viên, nhất là giáo viên mầm non, tiểu học, giáo viên mới rất thấp, không tương xứng với cường độ, áp lực công việc và trình độ đào tạo của giáo viên, chưa tạo động lực cho giáo viên yêu nghề và cống hiến cho sự nghiệp đổi mới”. Về nội dung này, Bộ Nội vụ báo cáo như sau:

- Căn cứ Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương, trong đó bổ sung biên chế giáo viên công lập năm 2022-2023 cho từng địa phương; để việc thực hiện giao bổ sung kịp thời biên chế giáo viên cho năm học 2022-2023 và đảm bảo đúng các quy định của Đảng và của pháp luật về quản lý biên chế, Chính phủ đã giao Bộ Nội vụ quán triệt, hướng dẫn các địa phương⁷ thực hiện một số nhiệm vụ sau: (1) Quản lý, sử dụng hiệu quả số biên chế giáo viên được giao; (2) Tuyển dụng giáo viên trong chỉ tiêu biên chế theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm đúng tiêu chuẩn, vị trí việc làm, cơ cấu môn học theo từng bậc học; (3) Tổ chức lại các cơ sở giáo dục gắn với nâng cao chất lượng giáo dục; rà soát, sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô lớp học; thu gọn lại các điểm trường trên nguyên tắc thuận lợi cho người dân và phù hợp với điều kiện thực tế của vùng, miền, địa phương; (4) Nâng cao mức độ tự chủ tài chính của cơ sở giáo dục công lập, đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực sự nghiệp giáo dục, nhất là xã hội hóa đối với bậc học mầm non và tiểu học, theo đó giảm biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, bảo đảm đúng chủ trương theo Kết luận số 40-KL/TW⁸; (5) Thực hiện nghiêm việc tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ viên chức theo đúng quy định của Đảng và của pháp luật.

Để khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên của các địa phương, Chính phủ đã kịp thời báo cáo Bộ Chính trị để bổ sung 65.980 biên chế giáo viên, trong đó đối với năm học 2022-2023 đã bổ sung 27.850 biên chế giáo viên. Năm học 2023-2024, Chính phủ giao Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát nhu cầu thừa, thiếu giáo viên đối với từng bậc học để bổ sung cho các địa phương. Đồng thời, Chính phủ ban hành Nghị định số 111/2022/NĐ-CP⁹, trong đó có quy định các địa phương chưa được giao đủ định mức sẽ được ký hợp đồng đối với giáo viên theo quy định, bảo đảm kịp thời bố trí đủ nguồn nhân lực trong các cơ sở giáo dục công lập.

- Về thực hiện cải cách chính sách tiền lương, trong đó có tiền lương cho đội ngũ giáo viên: Thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị

⁷ Văn bản số 3887/BNV-TCBC ngày 12/8/2022;

⁸ Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026;

⁹ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và ĐVSNC;

Trung ương 7 khóa XII; Kết luận số 20-KL/TW¹⁰ và Nghị quyết số 75/2022/QH15, Nghị quyết số 101/2023/QH15, Chính phủ đã báo cáo Ban Cán sự đảng Chính phủ đề báo cáo Ban Chấp hành Trung ương¹¹, báo cáo Quốc hội¹² về kết quả và lộ trình cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp theo Nghị quyết số 27-NQ/TW. Trong đó, đã đề xuất lộ trình cải cách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang với 06 nội dung cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW (dự kiến thực hiện từ ngày 01/7/2024).

Đối với giáo viên mầm non, tiểu học được hưởng lương và các chế độ phụ cấp lương theo địa bàn hoặc theo công việc đảm nhiệm như đối với viên chức nói chung và còn được hưởng các chế độ ưu đãi như: Phụ cấp ưu đãi nhà giáo; phụ cấp thâm niên nghề (dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội). Đối với nhà giáo công tác ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn còn được hưởng: Phụ cấp thu hút; phụ cấp ưu đãi theo nghề (70%); phụ cấp công tác lâu năm ở vùng đặc biệt khó khăn; trợ cấp; phụ cấp lưu động; phụ cấp dạy tiếng dân tộc thiểu số. Mặc dù được hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi, đặc thù để có tổng thu nhập (tiền lương và phụ cấp) cao hơn so với ngành, nghề khác nhưng đời sống của giáo viên mầm non, tiểu học vẫn còn nhiều khó khăn. Khi thực hiện chính sách cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, đời sống của giáo viên sẽ được cải thiện trong thời gian tới.

3. Về thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia

a) Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

Bộ Nội vụ đã nghiên cứu biên soạn và ban hành Bộ tài liệu tập huấn kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp⁽¹³⁾, làm cơ sở tài liệu tổ chức các lớp tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng làm công tác xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Năm 2022, đã tổ chức 06 lớp tập huấn kiến thức, kỹ năng cho hơn 1.200 cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã làm công tác xây dựng nông thôn mới tại khu vực miền Bắc, miền Trung và miền Nam;

Hướng dẫn các địa phương về thực hiện nội dung tiêu chí 18.1 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025¹⁴.

Tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai Phong trào thi đua tại 11 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương⁽¹⁵⁾.

¹⁰ Kết luận số 20-KL/TW ngày 16/10/2021 của Hội nghị Trung ương 4 Khóa XIII về kinh tế - xã hội năm 2021-2022.

¹¹ Báo cáo số 2241-BC/BCSDCP ngày 24/9/2023;

¹² Báo cáo số 18/BC-CP và số 19/BC-CP ngày 30/9/2023.

¹³ Quyết định số 49/QĐ-BNV ngày 21/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

¹⁴ Công văn số 1311/BNV-TH ngày 04/4/2022.

¹⁵ Lào Cai, Yên Bái, Tây Ninh, Long An, Đồng Nai, Bình Phước, Khánh Hòa, Cần Thơ, Sóc Trăng, Đắk Lắk, Đắk Nông.

Triển khai Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Các Bộ, ban, ngành, địa phương đã tham mưu xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025

Thực hiện Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 02/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ có Hướng dẫn số 2357/HD-BTĐKT ngày 31/8/2022 về khen thưởng thành tích trong Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021-2025; xây dựng chương trình phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhằm triển khai, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 02/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Xây dựng Chương trình công tác về truyền thông và giảm nghèo về thông tin và nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình theo kế hoạch và dự toán kinh phí đã được Bộ Tài chính phê duyệt (Quyết định số 1203/QĐ-BTC ngày 21/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Tổ chức hội nghị triển khai Phong trào thi đua, hướng dẫn khen thưởng thành tích xuất sắc trong thực hiện Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021-2025.

Tuyên truyền về Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021-2025; phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến, cách làm hay, sáng tạo trong thực hiện Phong trào thi đua và Chương trình mục tiêu quốc gia “Giảm nghèo bền vững” năm 2022.

Tổ chức đoàn kiểm tra, giám sát của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương về triển khai thực hiện Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021-2025.

Về Truyền thông và giảm nghèo (Tiểu Dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều): Xây dựng 03 Phóng sự truyền thông về Phong trào thi đua, những kết quả đạt được, cách làm hiệu quả trong công tác giảm nghèo ở 4 địa phương (Hà Giang, Thanh Hóa, Bắc Giang, Kon Tum) phát trên Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV1), Truyền hình cáp Việt Nam (VTC16) và Đài Truyền hình Việt Nam (VTV8).

II. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT CỦA QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI NĂM 2024

1. Lựa chọn chuyên đề giám sát chuyên sâu, bám sát thực tiễn những vấn đề nóng, bức xúc nổi lên trong đời sống kinh tế - xã hội, mang tính thời sự, cấp bách, có tính chiến lược, lâu dài để thực hiện giám sát có trọng tâm, trọng điểm. Đồng thời, sau khi có kết luận giám sát, yêu cầu đơn vị, tổ chức được giám sát báo cáo, giải trình làm rõ những vấn đề đã thực hiện được, chưa thực hiện được

và đề xuất các giải pháp khắc phục, lộ trình thực hiện đối với những vấn đề được giám sát.

2. Phát huy, kế thừa kết quả thanh tra, kiểm tra chuyên ngành của các cơ quan chức năng đối với vấn đề được giám sát để giảm thiểu thời gian, nguồn lực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giám sát.

3. Tăng cường phối hợp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các đoàn đại biểu Quốc hội để đạt kết quả cao trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giám sát.

4. Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông trước, trong và sau khi có kết luận giám sát chuyên đề để kịp thời thông tin đến cử tri, Nhân dân đối với những vấn đề nóng, cấp bách, gây bức xúc lớn trong dư luận.

Trên đây là báo cáo tham luận của Bộ Nội vụ về Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Bộ Nội vụ thông qua hoạt động giám sát và đề xuất giải pháp triển khai hiệu quả Chương trình giám sát của Quốc hội năm 2024, kính gửi Tổng thư ký Quốc hội để chuẩn bị nội dung phục vụ Hội nghị toàn quốc triển khai Chương trình giám sát của Quốc hội năm 2024./.